

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 6 năm 2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tạ Thị Thế.

2. Bà Đinh Thu Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị S, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số nhà 432, đường Qu, tổ 6, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số nhà 432, đường Qu, tổ 6, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa, Chị S và anh H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/3/2019, Biên bản về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/5/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Vũ Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, không ai bị lừa dối, bị ép buộc. Sau khoảng 01 năm tìm

hiếu, chị và anh H quyết định tiến đến hôn nhân và tổ chức đám cưới ngày 16/10/1991 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới, hai vợ chồng về chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không còn chung quan điểm sống, không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung. Dẫn đến, vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Sự việc xảy ra, hai bên gia đình có biết và chính quyền địa phương đã nhắc nhở nhiều lần nhưng tình trạng vẫn không thay đổi mà ngày càng trầm trọng hơn. Vào tháng 11 năm 2017, chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H, nhưng sau đó vì nghĩ đến các con nên chị đã rút đơn về. Sau khi rút đơn về, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi được gì và ngày càng trầm trọng hơn. Đỉnh điểm là vào ngày 27/02/2019, vợ chồng có xảy ra xô xát, đánh nhau và Công an phường đã phải vào giải quyết. Đến nay, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh H nữa, việc tiếp tục chung sống với anh H là không thể. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung (riêng): Chị và anh Phạm Văn H có 02 con chung là cháu Phạm Bá L, sinh ngày 02/10/1992 và cháu Phạm Bá Th, sinh ngày 24/7/1995. Vì các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống riêng ổn định nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con. Hiện nay, chị không có thai. Về con riêng: Chị và anh H không ai có con riêng.

Về tài sản chung, riêng và công nợ chung: Chị và anh Phạm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản khai ngày 21/3/2019, trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/5/2019 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian và điều kiện tổ chức lễ cưới của hai vợ chồng như chị Vũ Thị S trình bày. Anh và chị Vũ Thị S được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, không ai bị ép buộc, bị lừa dối. Sau khoảng khoảng 01 năm tìm hiểu, anh chị quyết định tiến đến hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 16/10/1991 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới, anh và chị S chung sống hạnh phúc được 24 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Sự việc xảy ra, giữa anh và chị S đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, chính quyền địa phương cũng nhiều lần can thiệp, khuyên bảo nhưng tình trạng vẫn không thay đổi mà ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay, anh và chị S đã sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị S làm đơn xin ly hôn với anh, anh nhận thấy việc tiếp tục quan hệ hôn nhân là không thể, nên anh đồng ý ly hôn với chị Vũ Thị S.

Về con chung (riêng): Anh H và chị Vũ Thị S có 02 con chung là cháu Phạm Bá L, sinh ngày 02/10/1992 và cháu Phạm Bá Th, sinh ngày 24/7/1995. Vì các cháu đã trưởng thành, có cuộc sống ổn định nên anh H không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung. Về con riêng: Anh và chị S không có con riêng.

Về tài sản chung, riêng và công nợ chung: Anh và chị Vũ Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị S và anh Phạm Văn H. Về nuôi con: Chị Vũ Thị S và anh Phạm Văn H có hai con chung là Phạm Bá L, sinh ngày 02/10/1992 và Phạm Bá Th, sinh ngày 24/7/1995 đều đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Vũ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/3/2019 Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố T xác định từ năm 1999 đến năm 2007 không thấy có việc đăng ký kết hôn giữa chị S và anh H. Thời điểm từ năm 1999 trở về trước do Sở cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn không còn nên không xác định được việc chị S và anh H có đăng ký kết hôn hay không. Tại Biên bản xác minh ngày 29/3/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T xác định được từ năm 2007 đến nay không thấy có việc đăng ký kết hôn của chị S và anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị S có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn H ở địa chỉ: Số nhà 432, đường Q, tổ 6, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị S và anh Phạm Văn H có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 16/10/1991 đến nay. Mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, nhưng chị S và anh H không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân

dân xã Q và Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T xác định từ năm 1991 đến thời điểm hiện tại không có tài liệu nào thể hiện việc đăng ký kết hôn giữa chị S và anh H. Nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định quan hệ hôn nhân của chị S và anh H không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống, giữa chị S và anh H luôn xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, anh chị nhiều lần xảy ra xô xát, đánh nhau nên chị S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị S, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị S và anh Phạm Văn H.

[3] Về con chung (con riêng): Các bên đương sự đều thống nhất chị S và anh H có hai con chung là Phạm Bá L, sinh ngày 02/10/1992 và Phạm Bá Th, sinh ngày 24/7/1995 đều đã trưởng thành và có cuộc sống ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, riêng và công nợ chung: Chị Vũ Thị S và anh Phạm Văn H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Vũ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị S xin ly hôn anh Phạm Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị S và anh Phạm Văn H.

- Về con chung (riêng): Chị Vũ Thị S và anh Phạm Văn H có hai con chung là Phạm Bá L, sinh ngày 02/10/1992 và Phạm Bá Th, sinh ngày 24/7/1995 đều đã

trưởng thành và có cuộc sống ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, riêng và công nợ chung: Chị Vũ Thị S và anh Phạm Văn H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001354 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Chị Vũ Thị S đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/6/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP.Tam Điệp;
- Đương sự;
- UBND phường T, thành phố T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Bích Hồng